SỞ GD-ĐT TỈNH SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH 10
Khóa thi ngày 18/06/2021

BẢNG GHI TÊN GHI ĐIỂM
Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai

Phòng thi: **1**

Stt	Số bd	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Nguyện vọng					Điểm bài thi k.chuyên			Điểm bài thi các môn chuyên						Tổng chuyên 1	Tổng chuyên 2	Tổng THPT	Ghi chú
								Chuyên 1	Chuyên 2	THPT 1	THPT 2	DTNT	Văn	Toán	Anh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Khxh	Anh				
1	000001	Nguyễn Trần Bảo An		21/04/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		6.00	8.75	5.90	6.50						**33.65**	**33.65**	**55.40**	
2	000002	Phạm Mỹ An	X	23/02/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		7.50	9.50	7.70	8.00						**40.70**	**40.70**	**61.70**	
3	000003	Nguyễn Ngô Phước An		25/03/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Lý	HD	TPST		6.50	9.25	7.60	5.75	5.25					**34.85**	**33.85**	**59.10**	
4	000004	Lương Bảo Anh	X	22/11/2006	Sóc Trăng	Kinh	Huỳnh Hữu Nghĩa	Toán	Tin	HHN			7.25	8.75	8.10	4.50								**61.10**	Khống chế
5	000005	Lê Châu Anh	X	26/07/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Anh	HD	TPST		6.50	9.25	8.30	6.50					3.60	**37.05**		**59.80**	
6	000006	Bùi Lan Anh	X	23/03/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		6.00	9.25	8.10	8.25						**39.85**	**39.85**	**58.60**	
7	000007	Đặng Trần Lan Anh	X	01/02/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		6.50	9.25	7.70	6.50						**36.45**	**36.45**	**59.20**	
8	000008	Võ Quỳnh Anh	X	23/06/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lý Thường Kiệt	Toán	Tin	HD	TPST		7.50	9.25	8.40	7.75						**40.65**	**40.65**	**61.90**	
9	000009	Hồ Thúy Anh	X	24/05/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		7.50	9.25	8.90	7.50						**40.65**	**40.65**	**62.40**	
10	000010	Nguyễn Huỳnh Tuấn Anh		15/05/2006	Sóc Trăng	Kinh	Thực hành Sư phạm	Toán	Tin	HD	MX		7.25	9.25	9.00	8.50						**42.50**	**42.50**	**62.00**	
11	000011	Nguyễn Hoàng Bách		10/10/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Hóa	HD	TPST		5.75	9.25	8.30	9.25		8.25				**41.80**	**39.80**	**58.30**	
12	000012	Ngô Trần Phúc Bảo		07/11/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lý Thường Kiệt	Toán	Anh	HD	TPST		5.50	9.00	8.40	6.50					7.00	**35.90**	**36.90**	**57.40**	
13	000013	Trần Đại Cát		22/10/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		6.75	9.75	8.70	8.00						**41.20**	**41.20**	**61.70**	
14	000014	Trần Giang Ngọc Châu	X	25/09/2006	Sóc Trăng	Hoa	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Hóa	HD	TPST		6.75	9.25	8.90	5.50		5.25				**35.90**	**35.40**	**61.90**	
15	000015	Trần Gia Cường		26/03/2006	Sóc Trăng	Hoa	Lê Hồng Phong	Toán	Lý	HD			6.25	9.25	7.50	5.50	4.50					**34.00**		**59.50**	
16	000016	Nguyễn Trí Dĩ		18/04/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Lý	HD	TPST		6.75	9.25	8.80	7.50	5.25					**39.80**	**35.30**	**60.80**	
17	000017	Huỳnh Khả Doanh	X	20/01/2006	Sóc Trăng	Khmer	Vũng Thơm	Toán	Tin	HD	PT		7.50	9.75	8.80	8.50						**43.05**	**43.05**	**64.30**	
18	000018	Thạch Trần Tuấn Dũng		22/10/2006	Sóc Trăng	Khmer	Lê Hồng Phong	Toán	Sinh	HD	TPST	HC	6.75	9.25	9.30	6.00			9.00			**37.30**	**43.30**	**62.30**	
19	000019	Trần Lê Nhật Duy		01/06/2006	Sóc Trăng	Kinh	Thực hành Sư Phạm	Toán	Tin	HD	MX		6.25	9.25	7.30	7.00						**36.80**	**36.80**	**57.30**	
20	000020	Tiêu Đại Dũy		04/01/2006	Sóc Trăng	Hoa	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	AN		6.50	9.25	8.10	4.25								**60.60**	Khống chế
21	000021	Huỳnh Trần Mỹ Duyên	X	06/06/2006	Sóc Trăng	Hoa	Lê Hồng Phong	Toán	Hóa	HD	TPST		6.50	9.25	7.70	5.00		5.25				**33.45**	**33.95**	**60.20**	
22	000022	Trần Gia Đạt		23/02/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		7.25	9.25	9.20	6.00						**37.70**	**37.70**	**63.20**	
23	000023	Nguyễn Hải Đăng		01/06/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Lý				6.00	8.50	7.10	7.25	5.75					**36.10**	**33.10**	**56.10**	
24	000024	Huỳnh Nhật Đăng		24/06/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		7.00	9.25	5.70	6.50						**34.95**	**34.95**	**58.20**	

Ghi chú: Tổng chuyên = Văn + Toán + Anh + Chuyên*2
Điều kiện: Min(Văn,Toán,Anh)>=5 và Chuyên>=5

Chủ tịch Hội đồng chấm thi xác nhận:

Bảng này có......chỗ sửa
Có......thí sinh vắng khi thi gồm các SBD sau:
....
Có......thí sinh vi phạm quy chế gồm các SBD sau:
....

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 06 năm 2021
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM
Ông Duy Thiện

Sóc Trăng, ngày ... tháng 06 năm 2021
Duyệt của Lãnh đạo Sở GDĐT

Những người đọc điểm và kiểm tra
(Họ tên và ký)
1) Lâm Thanh Phương ....
2) Hứa Văn Ủ ....

Phụ trách máy tính
Diệp Phước Bình

SỞ GD-ĐT TỈNH SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH 10
Khóa thi ngày 18/06/2021

BẢNG GHI TÊN GHI ĐIỂM
Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai

Phòng thi: **2**

Stt	Số bd	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Nguyện vọng					Điểm bài thi k.chuyên			Điểm bài thi các môn chuyên						Tổng chuyên 1	Tổng chuyên 2	Tổng THPT	Ghi chú
								Chuyên 1	Chuyên 2	THPT 1	THPT 2	DTNT	Văn	Toán	Anh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Khxh	Anh				
1	000025	Lư Gia Điền		14/01/2006	Sóc Trăng	Hoa	Lê Hồng Phong	Toán	Hóa	HD	TPST		7.75	9.25	8.40	8.00		9.50				**41.40**	**44.40**	**63.40**	
2	000026	Tiêu Hoàng Hải		16/03/2006	Sóc Trăng	Hoa	Thạnh Phú	Toán	Sinh	VNC			7.00	8.50	9.60	8.00			9.75			**41.10**	**44.60**	**61.60**	
3	000027	Lý Minh Hải		23/12/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (LP)	Toán	Tin	HD	DKH		6.00	10.00	7.90	6.25						**36.40**	**36.40**	**60.90**	
4	000028	La Hào		21/07/2006	Sóc Trăng	Hoa	Lê Hồng Phong	Toán		HD	TPST		6.00	9.25	9.20	6.00						**36.45**		**60.70**	
5	000029	Hoàng Châu Gia Hân	X	10/10/2006	Sóc Trăng	Hoa	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		7.00	9.25	7.20	7.75						**38.95**	**38.95**	**60.70**	
6	000030	Trần Gia Hân	X	05/12/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán		HD	TPST		6.25	9.25	7.00	3.75								**57.50**	Khống chế
7	000031	Trương Khả Hân	X	09/12/2006	Sóc Trăng	Kinh	Vũng Thơm	Toán	Tin	PT			6.75	9.50	7.60	6.50						**36.85**	**36.85**	**61.10**	
8	000032	Ngô Ngọc Hân	X	10/05/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Anh	HD	TPST		7.00	9.00	8.90	5.75					4.30	**36.40**		**60.90**	
9	000033	Lam Chí Hiển		26/12/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Hóa	HD	TPST		5.50	9.25	9.10	8.00		3.75				**39.85**		**58.60**	
10	000034	Huỳnh Vĩnh Hiệp		12/04/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		6.00	9.25	6.10	6.25						**33.85**	**33.85**	**56.10**	
11	000035	Nguyễn Minh Hiếu		30/01/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		5.00	8.25	7.40	1.00								**52.90**	Khống chế
12	000036	Đoàn Vũ Hiền Hòa	X	06/04/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		7.00	9.25	9.00	6.50						**38.25**	**38.25**	**61.50**	
13	000037	Triệu Mỹ Hòa	X	09/04/2006	Sóc Trăng	Hoa	Thực hành sư phạm	Toán	Anh	HD	MX		7.25	9.25	8.30	4.50					6.30		**37.40**	**62.30**	
14	000038	Hồ Huy Hoàng		30/07/2006	Sóc Trăng	Kinh	Châu Văn Đơ	Toán	Tin	NK			7.25	9.25	7.80	4.00								**61.80**	Khống chế
15	000039	Phạm Bách Hợp		06/02/2006	Sóc Trăng	Kinh	Thực hành Sư phạm	Toán	Tin	HD	MX		6.25	9.25	4.60	8.00								**55.10**	Khống chế
16	000040	Đặng Quang Huy		17/02/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Anh	HD	TPST		6.50	8.00	8.80	3.75					6.80		**36.90**	**57.80**	
17	000041	Vương Vĩnh Huy		17/05/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Anh	HD	TPST		6.50	9.25	9.40	6.50					5.70	**38.15**	**36.55**	**60.90**	
18	000042	Phạm Trần Gia Khang		19/10/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		5.75	7.75	5.60	3.25								**52.60**	Khống chế
19	000043	Trương Hiếu Khang		10/10/2006	Sóc Trăng	Kinh	Thực hành sư phạm	Toán	Hóa	MX			6.75	9.25	9.00	5.75		6.50				**36.50**	**38.00**	**61.00**	
20	000044	Trương Minh Khang		31/01/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Anh	HD	TPST		6.25	9.00	8.50	6.25					5.00	**36.25**	**33.75**	**59.00**	
21	000045	Phạm Nguyên Khang		10/06/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Anh	HD	TPST		6.75	10.00	9.10	9.75					6.60	**45.35**	**39.05**	**62.60**	
22	000046	Lê Võ Vĩnh KHang		15/06/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Lý	HD	MX		7.75	9.25	7.50	6.75	5.00					**38.00**	**34.50**	**61.50**	
23	000047	Trần Quốc Khánh		22/03/2006	Sóc Trăng	Kinh	Thực hành Sư phạm	Toán	Tin	MX			6.25	10.00	8.70	7.25						**39.45**	**39.45**	**61.20**	
24	000048	Tiết Trọng Khiêm		21/05/2006	TPHCM	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Anh	HD	TPST		6.25	9.50	9.20	7.00					8.50	**38.95**	**41.95**	**60.70**	

Ghi chú: Tổng chuyên = Văn + Toán + Anh + Chuyên*2
Điều kiện: Min(Văn,Toán,Anh)>=5 và Chuyên>=5

Chủ tịch Hội đồng chấm thi xác nhận:

Những người đọc điểm và kiểm tra
(Họ tên và ký)
1) Lâm Thanh Phương ....
2) Hứa Văn Ủ ....

Phụ trách máy tính

Diệp Phước Bình

Bảng này có....../....chỗ sửa
Có....../....thí sinh vắng khi thi gồm các SBD sau:
....
Có....../....thí sinh vi phạm quy chế gồm các SBD sau:
....

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 06 năm 2021
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN THỊ MINH KHAI
Ông Duy Thiện

Sóc Trăng, ngày ... tháng 06 năm 2021
Duyệt của Lãnh đạo Sở GDĐT

SỞ GD-ĐT TỈNH SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH 10
Khóa thi ngày 18/06/2021

BẢNG GHI TÊN GHI ĐIỂM
Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai

Phòng thi: **3**

Stt	Số bd	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Nguyện vọng					Điểm bài thi k.chuyên			Điểm bài thi các môn chuyên						Tổng chuyên 1	Tổng chuyên 2	Tổng THPT	Ghi chú
								Chuyên 1	Chuyên 2	THPT 1	THPT 2	DTNT	Văn	Toán	Anh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Khxh	Anh				
1	000049	Lâm Vĩnh Khiêm		24/02/2006	Sóc Trăng	Kinh	Vũng Thơm	Toán	Tin	HD	PT		7.25	9.25	9.00	8.00						**41.50**	**41.50**	**63.00**	
2	000050	Trần Thanh Khiết		11/02/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		6.50	9.25	8.30	6.00						**36.05**	**36.05**	**59.80**	
3	000051	Trần Anh Khoa		15/11/2006	An Giang	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		7.25	8.75	8.30	7.50						**39.30**	**39.30**	**60.30**	
4	000052	Nguyễn Lê Khoa		10/06/2006	Sóc Trăng	Kinh	Thực hành Sư Phạm	Toán	Hóa	HD			5.50	7.25	7.20	6.50		9.25				**32.95**	**38.45**	**52.70**	
5	000053	Đỗ Hoàng Đăng Khôi		01/06/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lý Thường Kiệt	Toán	Anh	HD	TPST		7.75	9.25	8.90	6.50					5.60	**38.90**	**37.10**	**62.90**	
6	000054	Đặng Đình Khôi		01/01/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Hóa	HD	MX		7.25	9.50	7.50	5.25		5.50				**34.75**	**35.25**	**61.00**	
7	000055	Phạm Minh Khôi		10/03/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		7.50	9.25	7.80	6.00						**36.55**	**36.55**	**61.30**	
8	000056	Hồ Thụy Minh Khuê	X	24/04/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Sinh	HD			7.00	9.25	8.50	8.00			7.75			**40.75**	**40.25**	**61.00**	
9	000057	Huỳnh Nguyễn Cao Kỳ		19/02/2006	Sóc Trăng	Kinh	Tân Thạnh	Toán	Sinh	TT_LP			6.25	9.00	6.00	6.50			8.75			**34.25**	**38.75**	**56.50**	
10	000058	Trần Thanh Lam	X	03/05/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		6.25	9.25	8.50	6.25						**36.50**	**36.50**	**59.50**	
11	000059	Kiêm Quốc Lâm		31/03/2006	Sóc Trăng	Khmer	Lê Vĩnh Hòa	Toán	Tin	HD	TPST		6.50	9.25	8.50	7.00						**38.25**	**38.25**	**61.00**	
12	000060	Trương Hiển Long		12/10/2006	Sóc Trăng	Hoa	vũng Thơm	Toán	Hóa	PT			5.50	9.25	5.90	6.75		3.75				**34.15**		**54.90**	
13	000061	Huỳnh Hữu Lộc		13/10/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Anh	HD	TPST		5.00	9.25	8.10	8.25					5.80	**38.85**	**33.95**	**56.60**	
14	000062	Nguyễn Đình Thiên Lộc		03/04/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Anh	HD			7.25	9.50	9.40	8.00					9.60	**42.15**	**45.35**	**62.90**	
15	000063	Mã Thiên Lộc		11/12/2006	Sóc Trăng	Kinh	Thực hành Sư phạm	Toán	Lý	HD	TPST		8.00	9.25	8.90	8.00	3.25					**42.15**		**63.40**	
16	000064	Phạm Tiến Lộc		09/01/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Quí Đôn	Toán	Hóa	HD	TPST		7.75	9.25	6.70	7.75		3.00				**39.20**		**60.70**	
17	000065	Nhan Mỹ Lợi	X	09/03/2006	Sóc Trăng	Hoa	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		6.25	8.25	4.50	5.50								**54.50**	Khống chế
18	000066	Phạm Quỳnh Mai	X	05/03/2006	Sóc Trăng	Hoa	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD			8.50	8.75	7.50	6.75						**38.25**	**38.25**	**63.00**	
19	000067	Tạ Xuân Mai	X	06/02/2006	Cần Thơ	Kinh	Lê Vĩnh Hòa	Toán	Tin	HD			8.00	9.50	9.00	6.25						**39.00**	**39.00**	**64.00**	
20	000068	Lâm Ánh Minh	X	12/03/2006	Sóc Trăng	Kinh	TT Đại Ngãi	Toán	Tin	HD			7.00	9.25	7.40	5.50						**34.65**	**34.65**	**59.90**	
21	000069	Lê Minh		30/01/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		7.50	9.25	8.70	6.50						**38.45**	**38.45**	**62.20**	
22	000070	Trần Lê Minh		11/09/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		6.00	8.00	4.70	4.25								**52.70**	Khống chế
23	000071	Nguyễn Nhật Minh		08/06/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán		HD	TPST		-1.00	-1.00	-1.00	-1.00									Khống chế
24	000072	Lâm Quang Minh		27/09/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (LP)	Toán	Tin	HD	DKH		7.00	9.50	7.50	6.75						**37.50**	**37.50**	**61.50**	

Ghi chú: Tổng chuyên = Văn + Toán + Anh + Chuyên*2
Điều kiện: Min(Văn.Toán.Anh)>=5 và Chuyên>=5

Chủ tịch Hội đồng chấm thi xác nhận:

Bảng này có ...../...chỗ sửa
Có 01 thí sinh vắng khi thi gồm các SBD sau:
000071
Có...../...thí sinh vi phạm quy chế gồm các SBD sau:
....

Những người đọc điểm và kiểm tra
(Họ tên và ký)
1) Lâm Thanh Phương ....
2) Hứa Văn Ủ ....

Phụ trách máy tính
Diệp Phước Bình

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 06 năm 2021
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN THỊ MINH KHAI
Ông Duy Thiện

Sóc Trăng, ngày ... tháng 06 năm 2021
Duyệt của Lãnh đạo Sở GDĐT

SỞ GD-ĐT TỈNH SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH 10
Khóa thi ngày 18/06/2021

BẢNG GHI TÊN GHI ĐIỂM
Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai

Phòng thi: **4**

Stt	Số bd	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Nguyện vọng					Điểm bài thi k.chuyên			Điểm bài thi các môn chuyên						Tổng chuyên 1	Tổng chuyên 2	Tổng THPT	Ghi chú
								Chuyên 1	Chuyên 2	THPT 1	THPT 2	DTNT	Văn	Toán	Anh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Khxh	Anh				
1	000073	Trần Trương Quế Minh	X	04/01/2006	Bạc Liêu	Hoa	Châu Văn Đơ	Toán	Lý	HD	NK		7.50	9.25	8.20	5.00	3.50					**34.95**		**62.70**	
2	000074	Trần Thiện Minh		17/04/2006	Sóc Trăng	Kinh	Thực hành Sư Phạm	Toán	Hóa	HD	TPST		6.75	9.00	8.80	6.00		7.75				**36.55**	**40.05**	**60.30**	
3	000075	Châu Huệ My	X	15/12/2006	Sóc Trăng	Hoa	Mỹ Xuyên	Toán	Tin	HD	MX		6.50	9.25	5.20	6.50						**33.95**	**33.95**	**57.70**	
4	000076	Nguyễn Phương Thảo My	X	04/05/2006	Bạc Liêu	Kinh	Tân Long	Toán	Hóa	TVB	MTT		6.75	7.75	7.20	2.50		2.50						**57.20**	Khống chế
5	000077	Trần Ngọc Thanh Ngân	X	31/08/2006	Sóc Trăng	Kinh	TT Lịch Hội Thượng	Toán	Tin	LHT			6.75	8.25	4.50	4.50								**54.50**	Khống chế
6	000078	Nguyễn Yến Ngân	X	18/08/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Hóa	HD	TPST		7.75	8.50	8.40	6.25		5.25				**37.15**	**35.15**	**60.90**	
7	000079	Trần Hoàng Đông Nghi	X	13/02/2005	Sóc Trăng	Kinh	Lê Quý đôn	Toán	Tin	HD	TPST		7.00	9.25	5.60	5.00						**31.85**	**31.85**	**58.10**	
8	000080	Đỗ Tú Nghi	X	04/08/2006	Sóc Trăng	Hoa	Lý Thường Kiệt	Toán	Tin	HD	TPST		6.75	9.00	6.10	5.75						**33.35**	**33.35**	**58.60**	
9	000081	Nguyễn Hồng Ngọc	X	05/04/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Sinh	HD	TPST		8.00	9.00	8.90	5.75			2.75			**37.40**		**62.90**	
10	000082	Trần Khánh Ngọc	X	17/05/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		-1.00	-1.00	-1.00	-1.00									Khống chế
11	000083	Hà Kim Ngọc	X	23/10/2006	Sóc Trăng	Khmer	TT Châu Thành	Toán	Sinh	HD	TH		7.00	9.00	6.70	5.25			2.00			**33.20**		**59.70**	
12	000084	Kim Thái Bảo Nguyên		04/09/2006	Sóc Trăng	Khmer	Vũng Thơm	Toán	Anh	PT			6.75	9.50	8.70	8.75					6.00	**42.45**	**36.95**	**62.20**	
13	000085	Nguyễn Huỳnh Hoàng Nguyê	X	15/08/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán		HD	TPST		5.75	9.25	4.70	4.25								**54.20**	Khống chế
14	000086	Vi Thị Thảo Nguyên	X	29/04/2006	Sóc Trăng	Kinh	Mỹ Phước	Toán	Tin	HD	NN		6.75	9.00	5.70	3.25								**58.20**	Khống chế
15	000087	Trần Trí Nguyên		23/02/2006	Sóc Trăng	Kinh	Hậu Thạnh	Toán	Tin	HD	DN		5.75	9.25	8.20	7.50						**38.20**	**38.20**	**59.20**	
16	000088	Dư Trần Phương Nhã	X	30/03/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán		HD	TPST		7.00	9.25	8.60	6.25						**37.35**		**61.10**	
17	000089	Lý Hoài Đức Nhân		15/12/2006	Sóc Trăng	Khmer	Đại Tâm	Toán	Tin	HD	TPST		6.75	9.25	7.50	6.75						**37.00**	**37.00**	**60.50**	
18	000090	Trần Vũ Thiện Nhân		15/11/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		6.75	9.00	8.90	6.50						**37.65**	**37.65**	**60.40**	
19	000091	Lâm Trần Trung Nhật		17/10/2006	Sóc Trăng	Khmer	Lê Vĩnh Hòa	Toán	Tin	HD	TPST		5.00	10.00	8.00	6.00						**35.00**	**35.00**	**59.00**	
20	000092	Huỳnh Bảo Nhi	X	27/09/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		8.25	9.25	8.10	5.50						**36.60**	**36.60**	**63.10**	
21	000093	Nguyễn Trần Tuyết Nhi	X	06/09/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD			6.00	9.50	5.60	6.50						**34.10**	**34.10**	**56.10**	
22	000094	Lê Uyên Nhi	X	26/09/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		7.25	8.25	8.70	6.00						**36.20**	**36.20**	**59.70**	
23	000095	Phạm Yến Nhi	X	10/11/2006	Sóc Trăng	Kinh	Châu Văn Đơ	Toán	Anh	NK			7.75	9.50	9.10	8.00					3.40	**42.35**		**64.60**	
24	000096	Lý Bích Như	X	15/09/2006	Sóc Trăng	Hoa	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		6.25	9.25	8.70	6.50						**37.20**	**37.20**	**60.70**	

Ghi chú: Tổng chuyên = Văn + Toán + Anh + Chuyên*2
Điều kiện: Min(Văn,Toán,Anh)>=5 và Chuyên>=5

Chủ tịch Hội đồng chấm thi xác nhận:

Bảng này có...../...chỗ sửa
Có..01..thí sinh vắng khi thi gồm các SBD sau:
...000082...
Có...../...thí sinh vi phạm quy chế gồm các SBD sau:
....

Những người đọc điểm và kiểm tra
(Họ tên và ký)
1) Lâm Thanh Phương ....
2) Hứa Văn Ủ ....

Phụ trách máy tính

Diệp Phước Bình

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 06 năm 2021
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM

Ông Duy Thiện

Sóc Trăng, ngày ... tháng 06 năm 2021
Duyệt của Lãnh đạo Sở GDĐT

SỞ GD-ĐT TỈNH SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH 10
Khóa thi ngày 18/06/2021

BẢNG GHI TÊN GHI ĐIỂM
Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai

Phòng thi: **5**

Stt	Số bd	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Nguyện vọng					Điểm bài thi k.chuyên			Điểm bài thi các môn chuyên						Tổng chuyên 1	Tổng chuyên 2	Tổng THPT	Ghi chú
								Chuyên 1	Chuyên 2	THPT 1	THPT 2	DTNT	Văn	Toán	Anh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Khxh	Anh				
1	000097	Trần Ngọc Thoại Như	X	23/02/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		6.25	8.75	7.30	6.50						**35.30**	**35.30**	**57.30**	
2	000098	Mã Tố Như	X	01/02/2006	Sóc Trăng	Hoa	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		6.00	7.75	6.90	6.50						**33.65**	**33.65**	**55.40**	
3	000099	Nguyễn Trần Tuyết Như	X	06/09/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD			7.00	9.50	5.00	6.25						**34.00**	**34.00**	**57.50**	
4	000100	Huỳnh Xuân Như	X	28/02/2006	TP.HCM	Hoa	Thạnh Phú	Toán	Tin	HD	VNC		7.50	9.25	8.30	6.75						**38.55**	**38.55**	**62.80**	
5	000101	Huỳnh Quang Nhựt		13/12/2006	Sóc Trăng	Khmer	Đại Tâm	Toán	Tin	HD	TPST		7.00	9.50	6.20	6.50						**35.70**	**35.70**	**60.20**	
6	000102	Nguyễn Hoàng Thuận Phát		17/01/2006	Sóc Trăng	Kinh	Thực hành Sư phạm	Toán	Tin	HD	MX		6.50	9.50	9.10	8.25						**41.60**	**41.60**	**61.10**	
7	000103	Trần Cẩm Phong		24/02/2006	Sóc Trăng	Hoa	TT Lịch Hội Thượng	Toán	Lý	LHT			6.75	7.25	5.40	5.00	4.50					**29.40**		**54.40**	
8	000104	Huỳnh Trương Phong		18/10/2006	Sóc Trăng	Khmer	Vũng Thơm	Toán	Lý	PT			6.75	8.75	5.30	6.75	1.25					**34.30**		**55.80**	
9	000105	Trương Thái Gia Phú		24/10/2006	Sóc Trăng	Hoa	Lý Thường Kiệt	Toán	Tin	HD	TPST		6.00	9.25	6.80	6.25						**34.55**	**34.55**	**58.30**	
10	000106	Trần Minh Phú		30/05/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Vĩnh Hòa	Toán	Tin	HD	TPST		5.50	8.50	7.30	5.00						**31.30**	**31.30**	**53.80**	
11	000107	Trần Gia Phúc		19/01/2006	Sóc Trăng	Hoa	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		6.50	9.00	9.10	6.50						**37.60**	**37.60**	**61.10**	
12	000108	Phan Hoàng Phúc		22/06/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lý Thường Kiệt	Toán		HD			6.50	9.50	7.70	6.50						**36.70**		**59.70**	
13	000109	Thái An Phương	X	03/04/2006	Sóc Trăng	Hoa	Lê Quý đôn	Toán	Anh	HD	TPST		7.25	10.00	9.30	8.00					8.00	**42.55**	**42.55**	**64.80**	
14	000110	Triệu Minh Quân		01/06/2006	Sóc Trăng	Hoa	Vũng Thơm	Toán	Hóa	PT			7.00	9.25	8.60	7.75		7.75				**40.35**	**40.35**	**62.10**	
15	000111	Tạ Tường Quân	X	01/01/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Anh	HD	TPST		7.50	9.25	8.70	6.25					5.40	**37.95**	**36.25**	**62.20**	
16	000112	Võ Thị Mộng Quỳnh	X	06/09/2006	Sóc Trăng	Kinh	Hồ Đắc Kiện	Toán		TH	PVH		6.00	8.50	3.50	7.50								**53.50**	Khống chế
17	000113	Đoàn Đặng Thảo Quỳnh	X	26/05/2006	Sóc Trăng	Kinh	Thực hành Sư phạm	Toán	Anh	HD			7.50	9.50	9.40	7.50					8.50	**41.40**	**43.40**	**63.40**	
18	000114	Trương Thanh Thảo Quỳnh	X	30/09/2006	Sóc Trăng	Hoa	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		6.25	9.25	8.80	6.25						**36.80**	**36.80**	**60.80**	
19	000115	Mã Quý Sâm		27/02/2006	Hậu Giang	Hoa	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		6.25	8.50	6.80	4.00								**57.30**	Khống chế
20	000116	Trần Mai Diệu Tâm	X	13/02/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Anh	HD	TPST		7.50	8.50	8.30	7.00					6.00	**38.30**	**36.30**	**60.30**	
21	000117	Phạm Nguyễn Ngọc Tâm	X	26/05/2006	Sóc Trăng	Kinh	Khánh Hòa	Toán	Tin	HD	KH		6.25	9.25	7.70	8.00						**39.20**	**39.20**	**59.70**	
22	000118	Nguyễn Duy Tân		13/06/2006	Sóc Trăng	Kinh	Huỳnh Hữu Nghĩa	Toán	Tin	HD	MX		6.25	9.25	7.70	8.25						**39.70**	**39.70**	**59.70**	
23	000119	Nguyễn Bá Minh Tân	X	15/10/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		5.50	8.50	7.20	3.75								**55.20**	Khống chế

Ghi chú: Tổng chuyên = Văn + Toán + Anh + Chuyên*2
Điều kiện: Min(Văn,Toán,Anh)>=5 và Chuyên>=5

Chủ tịch Hội đồng chấm thi xác nhận:

Bảng này có......chỗ sửa
Có......thí sinh vắng khi thi gồm các SBD sau:
....
Có......thí sinh vi phạm quy chế gồm các SBD sau:
....

Những người đọc điểm và kiểm tra
(Họ tên và ký)
1) Lâm Thanh Phương ....
2) Hứa Văn Ủ ....

Phụ trách máy tính

Diệp Phước Bình

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 06 năm 2021
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH SÓC TRĂNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN THỊ MINH KHAI

Ông Duy Thiện

Sóc Trăng, ngày ... tháng 06 năm 2021
Duyệt của Lãnh đạo Sở GDĐT

SỞ GD-ĐT TỈNH SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH 10
Khóa thi ngày 18/06/2021

BẢNG GHI TÊN GHI ĐIỂM
Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai

Phòng thi: **6**

Stt	Số bd	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Nguyện vọng					Điểm bài thi k.chuyên			Điểm bài thi các môn chuyên						Tổng chuyên 1	Tổng chuyên 2	Tổng THPT	Ghi chú
								Chuyên 1	Chuyên 2	THPT 1	THPT 2	DTNT	Văn	Toán	Anh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Khxh	Anh				
1	000120	Lâm Thái Tân		27/02/2006	Sóc Trăng	Kinh	Thực hành Sư phạm	Toán		MX			7.25	8.50	7.20	7.00						**36.95**		**58.70**	
2	000121	Huỳnh Thoại Tân		11/01/2006	Sóc Trăng	Khmer	Thực hành Sư phạm	Toán	Tin	HD	TPST		6.75	8.75	6.20	6.75						**35.20**	**35.20**	**56.20**	
3	000122	Dương Dạ Thảo	X	23/02/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		7.25	9.25	7.60	5.75						**35.60**	**35.60**	**60.60**	
4	000123	Đặng Kim Thảo	X	07/04/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lý Thường Kiệt	Toán	Tin	HD	TPST		6.75	9.00	5.70	3.25								**58.20**	Khống chế
5	000124	Mã Thu Thảo	X	08/04/2006	Sóc Trăng	Hoa	Lý Thường Kiệt	Toán	Tin	HD	TPST		5.25	8.50	5.00	3.00								**53.50**	Khống chế
6	000125	Thái Đức Thịnh		10/06/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Lý	HD	TPST		6.75	9.50	9.10	7.00	4.25					**39.35**		**61.60**	
7	000126	Trịnh Quốc Thuận		28/01/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		6.25	8.50	6.80	5.00						**31.55**	**31.55**	**56.30**	
8	000127	Nguyễn Lý Thức Thuận		11/04/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Quý đôn	Toán		HD	TPST		7.25	9.25	8.40	6.25						**37.40**		**61.40**	
9	000128	Đoàn Thủy Tiên	X	08/08/2006	Tiền Giang	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		6.50	9.25	9.50	6.25						**37.75**	**37.75**	**61.00**	
10	000129	Võ Hoàng Tiến		11/04/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Quý đôn	Toán	Tin	HD	TPST		6.00	7.25	4.50	4.50								**50.00**	Khống chế
11	000130	Đặng Hoàng Tín		07/09/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lý Thường Kiệt	Toán	Anh	HD	TPST		6.50	6.00	5.30	2.50					2.90			**50.30**	Khống chế
12	000131	Trần Quốc Trạng		19/01/2006	Sóc Trăng	Kinh	Thực hành sư phạm	Toán	Tin	HD	MX		6.50	10.00	8.00	7.00						**38.50**	**38.50**	**61.00**	
13	000132	Huỳnh Bảo Trân	X	18/08/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lý Thường Kiệt	Toán	Anh	HD	TPST		6.50	9.00	8.90	5.75					6.50	**35.90**	**37.40**	**60.90**	
14	000133	Lưu Nhã Trân	X	07/01/2006	Sóc Trăng	Hoa	Mỹ Xuyên	Toán	Tin	MX			5.50	7.50	4.20	4.25								**51.20**	Khống chế
15	000134	Lê Diễm Quỳnh Trân	X	16/01/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Hóa	HD	TPST		8.00	9.25	8.20	6.50		5.75				**38.45**	**36.95**	**62.70**	
16	000135	Phan Trần Trân		12/01/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Quý đôn	Toán	Tin	HD	TPST		6.00	8.75	6.60	6.50						**34.35**	**34.35**	**56.10**	
17	000136	Âu Dương Trí		25/10/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		5.75	9.25	5.70	7.50						**35.70**	**35.70**	**54.70**	
18	000137	Trần Minh Triết		08/09/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		5.50	9.00	8.60	7.00						**37.10**	**37.10**	**57.60**	
19	000138	Lê Thị Phương Triều	X	25/03/2006	Sóc Trăng	Kinh	TT Châu Thành	Toán		HD	TH		5.50	7.75	4.60	2.00								**52.10**	Khống chế
20	000139	Nguyễn Thị Như Trúc	X	30/03/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Vĩnh Hòa	Toán	Tin	HD	TPST		7.75	9.25	8.50	6.50						**38.50**	**38.50**	**62.50**	
21	000140	Danh Thiên Phúc	X	25/07/2006	Sóc Trăng	Khmer	Lê Hồng Phong	Toán	Hóa	HD	MX		5.75	9.25	6.60	6.25		1.25				**34.10**		**56.60**	
22	000141	Huỳnh Thiên Trúc	X	07/05/2006	Sóc Trăng	Hoa	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		6.25	8.50	7.30	6.25						**34.55**	**34.55**	**57.80**	
23	000142	Tăng Thanh Trường		26/02/2006	Sóc Trăng	Kinh	Tân Long	Toán	Hóa	TVB			6.25	9.25	7.40	5.00		4.25				**32.90**		**59.40**	

Ghi chú: Tổng chuyên = Văn + Toán + Anh + Chuyên*2
Điều kiện: Min(Văn,Toán,Anh)>=5 và Chuyên>=5

Chủ tịch Hội đồng chấm thi xác nhận:

Bảng này có...../...chỗ sửa
Có...../...thí sinh vắng khi thi gồm các SBD sau:
....
Có...../...thí sinh vi phạm quy chế gồm các SBD sau:
....

Những người đọc điểm và kiểm tra
(Họ tên và ký)
1) Lâm Thanh Phương ....
2) Hứa Văn Ủ ....

Phụ trách máy tính
Diệp Phước Bình

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 06 năm 2021
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM
Ông Duy Thiện

Sóc Trăng, ngày ... tháng 06 năm 2021
Duyệt của Lãnh đạo Sở GDĐT

SỞ GD-ĐT TỈNH SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH 10
Khóa thi ngày 18/06/2021

BẢNG GHI TÊN GHI ĐIỂM
Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai

Phòng thi: **7**

Stt	Số bd	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Nguyện vọng					Điểm bài thi k.chuyên			Điểm bài thi các môn chuyên						Tổng chuyên 1	Tổng chuyên 2	Tổng THPT	Ghi chú
								Chuyên 1	Chuyên 2	THPT 1	THPT 2	DTNT	Văn	Toán	Anh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Khxh	Anh				
1	000143	Huỳnh Lê Khả Tú	X	29/09/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán		HD	TPST		5.75	8.50	5.60	4.75								**54.10**	Khống chế
2	000144	Lâm Linh Tuệ	X	17/09/2006	Sóc Trăng	Khmer	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		7.50	9.50	8.50	7.75						**41.00**	**41.00**	**63.50**	
3	000145	Thái Bảo Tùng		03/03/2006	Sóc Trăng	Hoa	Mỹ Xuyên	Toán		MX			6.75	9.00	8.50	5.50						**35.25**		**61.00**	
4	000146	Nguyễn Ngọc Tuyết	X	06/04/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		7.75	9.25	6.90	6.25						**36.40**	**36.40**	**60.90**	
5	000147	Nguyễn Hoàng Uyên	X	07/12/2006	Sóc Trăng	Hoa	Thực hành Sư phạm	Toán		HD	MX		7.00	9.25	8.30	6.50						**37.55**		**61.80**	
6	000148	Trần Phương Ánh Vân	X	09/10/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Anh	HD	TPST		7.75	9.25	9.20	6.25					5.80	**38.70**	**37.80**	**63.20**	
7	000149	La Quốc Vinh		29/05/2006	Sóc Trăng	Hoa	TT Lịch Hội Thượng	Toán		LHT			6.75	9.50	8.70	6.25						**37.45**		**62.20**	
8	000150	Ngô Quốc Vinh		14/07/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		7.25	10.00	9.40	9.75						**46.15**	**46.15**	**63.90**	
9	000151	Trần Lý Khánh Vy	X	15/03/2006	Sóc Trăng	Hoa	Lê Hồng Phong	Toán	Sinh	HD	MX		7.50	8.25	9.30	3.75			8.25				**41.55**	**61.80**	
10	000152	Mai Lê Thảo My	X	07/07/2006	Sóc Trăng	Kinh	TT Châu Thành	Toán	Anh	TH			7.50	9.00	8.00	5.25					3.10	**35.00**		**62.00**	
11	000153	Nguyễn Tuấn Vỹ		11/08/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Toán	Tin	HD	TPST		6.75	9.50	9.10	8.00						**41.35**	**41.35**	**61.60**	
12	000154	Khưu Kim Yến	X	18/01/2006	Sóc Trăng	Hoa	Thực hành sư phạm	Toán		HD	MX		6.75	8.75	7.30	5.25						**33.30**		**59.30**	
13	000155	Vũ Kim Yến	X	03/05/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Toán	Tin	HD	TPST		7.25	9.00	6.30	3.25								**58.80**	Khống chế
14	000156	Huỳnh Hoàng Anh		11/05/2006	Sóc Trăng	Kinh	Mỹ Xuyên	Tin		HD	MX		6.25	9.25	8.20	5.75						**35.20**		**59.20**	
15	000157	Trần Minh Đức		24/09/2006	Sóc Trăng	Kinh	Vũng Thơm	Tin		PT			5.25	6.50	2.20	3.75								**44.70**	Khống chế
16	000158	Quách Gia Huy		14/09/2006	Bạc Liêu	Hoa	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Tin		HD	TPST		6.75	9.00	7.20	4.25								**59.70**	Khống chế
17	000159	Nguyễn Chí Khang		05/10/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Tin		HD	TPST		5.00	7.25	6.70	4.25								**51.20**	Khống chế
18	000160	Trần Thị Thanh Nhàn	X	15/10/2006	Sóc Trăng	Khmer	Đại Tâm	Tin		HD	TPST		5.00	9.25	5.80	7.50						**35.05**		**55.30**	
19	000161	Châu Vũ Trung		29/03/2006	Sóc Trăng	Hoa	Ngọc Tố	Tin	Sinh	HD	NT		6.00	9.25	9.00	8.25			9.50			**40.75**	**43.25**	**60.50**	
20	000162	Trần Cẩm Tú	X	06/09/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Tin	Toán	HD	TPST		7.75	8.75	6.50	3.50								**59.00**	Khống chế
21	000163	Phạm Trần Tường Vi	X	07/11/2006	Sóc Trăng	Kinh	Vũng Thơm	Tin		PT			8.25	9.00	6.60	7.25						**38.35**		**62.10**	
22	000164	Nguyễn Trần Thảo Vy	X	27/01/2006	Sóc Trăng	Kinh	Dương Kỳ Hiệp (ST)	Tin	Toán	HD	TPST		6.75	8.75	4.50	3.75								**55.00**	Khống chế
23	000165	Thái Bảo An	X	15/04/2006	Sóc Trăng	Kinh	Lê Hồng Phong	Lý		HD	TPST		7.75	8.75	6.90		7.00					**37.40**		**59.90**	

__Ghi chú:__ Tổng chuyên = Văn + Toán + Anh + Chuyên*2
Điều kiện: Min(Văn,Toán,Anh)>=5 và Chuyên>=5

Chủ tịch Hội đồng chấm thi xác nhận:

Bảng này có......chỗ sửa
Có......thí sinh vắng khi thi gồm các SBD sau:
....
Có......thí sinh vi phạm quy chế gồm các SBD sau:
....

Những người đọc điểm và kiểm tra
(Họ tên và ký)

1) Lâm Thanh Phương ....
2) Hứa Văn Ủ ....

Phụ trách máy tính

Diệp Phước Bình

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 06 năm 2021
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM

Ông Duy Thiện

Sóc Trăng, ngày ... tháng 06 năm 2021
Duyệt của Lãnh đạo Sở GDĐT